TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 276/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 396/2026/TLST-VHNGĐ ngày 06/5/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1991; Số CCCD: 031091012305; địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khu phố Phú M, phường Bình D, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Ngọc An T, sinh năm 1993; Số CCCD: 022193008072; địa chỉ thường trú: Số A, đường B, tổ C, khu phố Phú M, phường Bình D, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Căn hộ A, Chung cư Quốc V, tổ B, khu phố C, phường An P, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Ngọc An T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh D, thành phố Móng C, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Móng C, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 22/3/2021 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông H và bà T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay ông H và bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông H và bà T vẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình sống chung, ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Ngọc An T không có con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Ngọc An T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Ngọc An T không có con chung nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Ngọc An T mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số BLTU/26E-0024341 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 15- Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- UBND phường Móng C, tỉnh Quảng Ninh;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ VDS, VT.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Chung

TAND KHU VỰC 15

HYW180526.TL.QDBA
1776